

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2014

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC

Mục lục

| | |
|---|----------|
| KẾ HOẠCH SXKD TOÀN CÔNG NĂM 2014 | 2 |
| I. Định hướng:..... | 2 |
| 1. Công ty VTC: | 2 |
| 2. Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh: | 2 |
| 3. Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp: | 3 |
| 4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu:..... | 3 |
| II. Các chỉ tiêu cơ bản toàn công ty:..... | 3 |
| 1. Công ty VTC..... | 4 |
| 2. Công ty con-Công ty liên kết..... | 4 |
| 2.1 Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Công nghệ thông minh | 4 |
| 2.2 Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp..... | 4 |
| 2.3 Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu | 5 |
| PHỤ LỤC: Tổng kết số liệu toàn công ty | 6 |

KẾ HOẠCH SXKD TOÀN CÔNG TY NĂM 2014

I. Định hướng:

1. Công ty VTC:

Hoạt động dịch vụ:

- Phát triển đo kiểm chất lượng mạng viễn thông, Tối ưu hóa mạng di động, Bảo dưỡng BTS, truyền dẫn, làm thầu phụ hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc khách hàng cho các hãng sản xuất thiết bị HP, Cisco,...
- Hỗ trợ kỹ thuật, bảo dưỡng thiết bị mạng WAN, LAN cho các Bộ ngành, thiết bị chuyên ngành cho các đài dự báo khí tượng thủy văn...
- Sửa chữa thiết bị cho các viễn thông Tỉnh, Công ty di động.
- Lắp đặt: Lắp đặt truyền dẫn cho các Công ty di động, làm thầu phụ lắp đặt truyền dẫn, BTS cho các nhà cung cấp thiết bị ở trong nước và nước ngoài.

Hoạt động thương mại:

- Liên kết với các VNPT tỉnh cung cấp thiết bị viễn thông & CNTT kèm giải pháp cho các UBND tỉnh, Bệnh viện, sở ban ngành, các đài truyền hình địa phương...
- Kinh doanh thiết bị phát thanh truyền hình kèm giải pháp cho Truyền hình Việt Nam, đài truyền hình các tỉnh....
- Kinh doanh bán thiết bị kèm giải pháp hệ thống thông tin tàu thuyền cho Cục Hàng Hải – Bộ GTVT.
- Thương mại các sản phẩm Tổng đài PABX ảo, Thiết bị IPCallCenter V-Star, Tổng đài IP và các sản phẩm khác của ITE nghiên cứu chế tạo.

Các dự án: Tập trung vào các dự án

- Tập trung nguồn lực vào Dự án thử nghiệm: Hệ thống phòng vệ giám sát đường ngang công nghệ không dây cho Đường sắt Việt Nam đã được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại quyết định số: 3061/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2014 triển khai trong năm 2014, các dự án của Bộ Tài nguyên môi trường, Dự án: Xây dựng hệ thống quản lý tư liệu Truyền hình bằng kỹ thuật số của Trung tâm tư liệu Đài truyền hình Việt Nam.

Hoạt động nghiên cứu:

- Nghiên cứu chế tạo một số sản phẩm mới, trang bị cho mạng di động và một số phần mềm, thiết bị khác chuyên dùng cho ĐSVN.

2. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông minh:

- Tập trung cải tiến dây chuyền sản xuất thẻ cào, các loại thẻ khác.

- Tiếp tục ổn định nhà máy tại Khu công nghệ cao, đầu tư từng phần và chuẩn hóa hệ thống in phun, hệ thống dữ liệu để đáp ứng yêu cầu khách hàng. Ưu tiên tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm thẻ để ổn định thị phần Vinaphone, VMS.
- Mở rộng cung cấp sản phẩm thẻ cho các nhà khai thác truyền hình trả tiền như: VTVcab, SCTV, HTV...
- Hoàn thiện và phát triển dịch vụ chữ ký số.

3. Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp:

- Cùng VTC thực hiện thương mại các sản phẩm IPCallCenter, Tổng đài PABX ảo, Tổng đài IP.
- Nghiên cứu một số sản phẩm mới, phát triển giải pháp phần mềm kèm thiết bị chuyên dùng cho ĐSVN.
- Đẩy mạnh tốc độ nghiên cứu chế tạo, cùng với VTC thương mại sản phẩm
- Triển khai thử nghiệm và thương mại hóa các sản phẩm khác đã nghiên cứu xong.
- Xem xét đánh giá một số sản phẩm tiềm năng từ yêu cầu của khách hàng và chọn lọc nghiên cứu, triển khai.

4. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu:

- Giữ cơ cấu vốn 30%. Nâng cao chất lượng dịch vụ hiện tại. Tìm kiếm để phát triển thêm một số dịch vụ khác.

II. Các chỉ tiêu cơ bản toàn công ty:

Kế hoạch Công ty năm 2014 xây dựng với những chỉ tiêu cơ bản sau:

Đvt: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | So với thực hiện năm 2013 |
|-----|--|--------------------|-------------------|---------------------------|
| I | Doanh thu hợp nhất toàn công ty ⁽¹⁾ | 88,966 | 92,000 | 103.41% |
| II | LNTT hợp nhất toàn công ty ⁽²⁾ | 3,435 | 8,818 | 256.71% |
| III | LNST hợp nhất toàn công ty ⁽³⁾ | 1,908 | 7,318 | 383.54% |
| IV | Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ ⁽⁴⁾ | 17 | 5,443 | |

Ghi chú:

⁽¹⁾ **Doanh thu hợp nhất toàn công ty** bao gồm doanh thu của Công ty và các công ty con.

⁽²⁾ **LNTT hợp nhất toàn công ty** là lợi nhuận trước thuế hợp nhất..

⁽³⁾ **LNST hợp nhất toàn công ty** là lợi nhuận sau thuế hợp nhất.

⁽⁴⁾ **Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ** là tổng lợi nhuận sau thuế của công ty VTC và lợi nhuận từ các công ty con/công ty liên kết tính theo tỷ lệ góp vốn góp của VTC.

- Tổng doanh thu năm 2014 là **92.000 triệu đồng**, bằng **103.41%** so với năm 2013.
- Tổng lợi nhuận trước thuế toàn công ty năm 2014 là **8.818 triệu đồng**.
- Tổng lợi nhuận sau thuế toàn công ty năm 2014 là **7.318 triệu đồng**, trong đó bao gồm Lợi nhuận sau thuế của Công ty VTC là **2.050 triệu đồng**, của các công ty con và công ty liên kết là **5.268 triệu đồng** (xem chi tiết phụ lục 1 đính kèm).

1. Công ty VTC

ĐVT: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | So với thực hiện năm 2013 |
|------------|----------------------------------|--------------------|-------------------|---------------------------|
| I | Tổng doanh thu | 14,301 | 30,000 | 209.78% |
| | Doanh thu dịch vụ kỹ thuật | 11,441 | 9,300 | 81.29% |
| | Doanh thu cho thuê nhà trạm | 707 | 700 | 99.01% |
| | Doanh thu sản phẩm thương mại | 2,153 | 18,000 | 836.04% |
| | Doanh thu sản phẩm dự án | | 2,000 | |
| II | Tổng lợi nhuận trước thuế | (1,805) | 2,050 | |
| III | Tổng lợi nhuận sau thuế | (1,805) | 2,050 | |

2. Công ty con-Công ty liên kết

2.1 Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghệ Thông Minh

Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | So với thực hiện năm 2013 |
|-----|----------------------|--------------------|-------------------|---------------------------|
| I | Tổng doanh thu | 74,667 | 60,000 | 80.36% |
| II | Lợi nhuận trước thuế | 6,919 | 6,000 | 86.72% |
| III | Lợi nhuận sau thuế | 5,445 | 4,500 | 82.64% |

2.2 Công ty Cổ phần Công nghệ Tích hợp

Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | So với thực hiện năm 2013 |
|-----|----------------------|--------------------|-------------------|---------------------------|
| I | Tổng doanh thu | 0 | 2,000 | |
| II | Lợi nhuận trước thuế | (1,145) | 300 | |
| III | Lợi nhuận sau thuế | (1,145) | 300 | |

2.3 Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | So với thực hiện năm 2013 |
|-----|--------------------------|--------------------|-------------------|---------------------------|
| I | 30% Lợi nhuận trước thuế | 361 | 468 | 129.64% |
| II | 30% Lợi nhuận sau thuế | 361 | 468 | 129.64% |

Nơi nhận:

- HĐQT
- Lưu


CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG VTC
TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN VIỆT TÙNG

PHỤ LỤC: Tổng kết số liệu toàn công ty

ĐVT: triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2013 | Kế hoạch năm 2014 | So với thực hiện năm 2014 |
|------------|--|--------------------|-------------------|---------------------------|
| I | Doanh thu | 88,966 | 92,000 | 103% |
| 1 | Công ty VTC | 14,301 | 30,000 | 210% |
| 2 | Công ty con - Công ty liên kết | 74,667 | 62,000 | 83% |
| 3 | Điều chỉnh doanh thu nội bộ | (2) | | |
| II | Lợi nhuận trước thuế | 3,435 | 8,818 | 257% |
| 1 | Công ty VTC | (1,805) | 2,050 | |
| 2 | Công ty con - Công ty liên kết | 6,135 | 6,768 | 110% |
| 3 | Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế | (895) | | |
| III | Lợi nhuận sau thuế | 1,908 | 7,318 | 384% |
| 1 | Công ty VTC | (1,805) | 2,050 | |
| 2 | Công ty con - Công ty liên kết | 4,662 | 5,268 | 113% |
| 3 | Điều chỉnh thuế TNDN | (949) | | |
| IV | Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ | 17 | 5,443 | 32017% |
| 1 | Công ty VTC | (1,805) | 2,050 | |
| 2 | Lãi (lỗ) công ty con – công ty liên kết chuyển về công ty mẹ | 2,770 | 3,393 | 122% |
| 3 | Điều chỉnh lợi nhuận sau thuế | (948) | - | |
| 4 | Cổ tức dự kiến | | | |